



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	01					
2	000002	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	01					
3	000003	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	01					
4	000004	1001030469	Hà Vân	Anh	27/08/2004	QT10A	01					
5	000005	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	01					
6	000006	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	01					
7	000007	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	01					
8	000008	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	01					
9	000009	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	01					
10	000010	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	01					
11	000011	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	01					
12	000012	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	01					
13	000013	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	01					
14	000014	1001030501	Vì Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	01					
15	000015	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	01					
16	000016	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	01					
17	000017	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	01					
18	000018	1001030526	Đoàn Vân	Dung	04/09/2004	QT10A	01					
19	000019	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	01					
20	000020	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	01					
21	000021	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	01					
22	000022	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	01					
23	000023	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	01					
24	000024	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	01					
25	000025	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	01					
26	000026	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	01					
27	000027	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	01					HP
28	000028	1001031747	Phạm Huy	Hoàng	23/10/1996	QT10A	01					
29	000029	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT10A	01					HP
30	000030	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	01					
31	000031	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	01					
32	000032	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	02					
33	000033	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	02					
2	000035	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	02					
3	000036	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	02					
4	000037	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	02					
5	000038	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	02					
6	000039	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	02					
7	000040	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	02					
8	000041	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	02					
9	000042	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	02					
10	000043	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	02					
11	000044	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	02					
12	000045	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	02					
13	000046	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	02					
14	000047	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	02					
15	000048	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	02					
16	000049	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	02					
17	000050	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	02					
18	000051	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	02					
19	000052	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	02					
20	000053	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	02					
21	000054	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	02					
22	000055	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	02					
23	000056	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	02					
24	000057	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	02					
25	000058	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	02					
26	000059	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	02					
27	000060	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	02					
28	000061	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	03					
29	000062	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	03					
30	000063	1001030468	Dương Hoàng	Anh	21/09/2004	QT10B	03					HP,ĐK
31	000064	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	03					
32	000065	1001030474	Nguyễn Hải	Anh	24/10/2003	QT10B	03					HP,ĐK
33	000066	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000067	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	03					
2	000068	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	03					
3	000069	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	03					
4	000070	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	03					ĐK
5	000071	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	03					HP
6	000072	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	03					
7	000073	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	03					
8	000074	1001030513	Phùng Văn	Đạt	22/12/2004	QT10B	03					
9	000075	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	03					
10	000076	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	03					
11	000077	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	03					
12	000078	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	03					
13	000079	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	03					
14	000080	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	03					
15	000081	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	03					
16	000082	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	03					
17	000083	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	03					
18	000084	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	03					
19	000085	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	03					HP,ĐK
20	000086	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	03					
21	000087	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	03					
22	000088	0901030894	Vũ Đức	Hiếu	14/01/2003	QT9A	03					HP,ĐK
23	000089	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	04					
24	000090	1001030595	Phạm Bảo	Lâm	04/10/2004	QT10B	04					
25	000091	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	04					
26	000092	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	04					
27	000093	1001031391	Phạm Thuý	Linh	14/07/2004	QT10B	04					
28	000094	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	04					
29	000095	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	04					
30	000096	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	04					
31	000097	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	04					
32	000098	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	04					
33	000099	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000100	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	04					
2	000101	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	04					
3	000102	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	04					
4	000103	1001030666	Lý Thu	Phương	10/09/2004	QT10B	04					
5	000104	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	04					HP
6	000105	1001030681	Nguyễn Hữu	Sơn	08/12/2004	QT10B	04					
7	000106	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	04					HP
8	000107	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	04					
9	000108	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	04					
10	000109	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	04					
11	000110	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	04					
12	000111	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	04					
13	000112	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	04					
14	000113	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	04					
15	000114	1001031746	Đặng Minh	Tuấn	27/03/2002	QT10B	04					HP,ĐK
16	000115	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	04					
17	000116	1001031329	Hoàng Thế	Vinh	08/08/2002	QT10B	04					
18	000117	1001031178	Đỗ Thị Thảo	Anh	08/06/2004	QM10A	05					
19	000118	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	05					
20	000119	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	05					
21	000120	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	05					
22	000121	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	05					
23	000122	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	05					
24	000123	1001030528	Đào Thùy	Dương	21/11/2004	QM10A	05					
25	000124	1001031217	Vương Thùy	Giang	11/09/2004	QM10A	05					
26	000125	1001031218	Ma Thị	Hằng	24/05/2004	QM10A	05					
27	000126	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	05					
28	000127	1001030554	Phạm Thúy	Hiền	11/04/2004	QM10A	05					
29	000128	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	05					
30	000129	1001031224	Nguyễn Lương	Hiếu	22/01/2004	QM10A	05					HP,ĐK
31	000130	1001030562	Lê Phương	Hòa	29/07/2004	QM10A	05					
32	000131	1001030574	Phạm Đắc Quang	Huy	23/09/2004	QM10A	05					
33	000132	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	QM10A	05					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000133	1001031248	Nguyễn Hữu	Khang	19/09/2004	QM10A	05					
2	000134	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	05					HP
3	000135	1001030604	Nguyễn Mai	Linh	10/08/2004	QM10A	05					
4	000136	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	05					
5	000137	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	05					HP,ĐK
6	000138	1001030614	Trịnh Đức	Long	02/07/2004	QM10A	06					
7	000139	1001031269	Trần Thị Tuyết	Mai	01/03/2004	QM10A	06					
8	000140	1001031270	Khúc Bá	Minh	28/01/2004	QM10A	06					HP,ĐK
9	000141	1001030648	Nguyễn Trung	Nguyễn	10/09/2003	QM10A	06					
10	000142	1001030657	Nguyễn Ngọc	Oanh	28/08/2004	QM10A	06					
11	000143	1001030662	Đỗ Hoàng	Phúc	11/10/2004	QM10A	06					
12	000144	1001030669	Phạm Thị Thu	Phương	15/01/2004	QM10A	06					
13	000145	1001031395	Trần Thị	Quỳnh	17/02/2004	QM10A	06					
14	000146	1001030680	Nguyễn Quang	Sang	05/04/2004	QM10A	06					
15	000147	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	06					
16	000148	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	06					
17	000149	1001030691	Vương Thị Mai	Thanh	15/02/2004	QM10A	06					HP
18	000150	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	06					
19	000151	1001030696	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	20/09/2004	QM10A	06					
20	000152	1001030697	Nguyễn Phương	Thảo	29/11/2004	QM10A	06					
21	000153	1001031666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/05/2004	QM10A	06					
22	000154	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	06					
23	000155	1001030705	Nguyễn Thị	Thương	16/07/2004	QM10A	06					
24	000156	1001031676	Lê Thị Hà	Trang	10/07/2004	QM10A	06					
25	000157	1001031322	Hà Thị Thanh	Trúc	13/01/2004	QM10A	06					
26	000158	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	06					
27	000159	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	06					
28	000160	1001031400	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/04/2004	QM10A	06					
29	000161	1001031392	Đàm Thị Kiều	Xuân	26/09/2004	QM10A	06					
30	000162	1001030742	Nguyễn Như	Ý	27/01/2004	QM10A	06					
31	000163	1001030748	Tô Ngọc Hà	An	29/05/2004	QM10B	07					
32	000164	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM10B	07					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000165	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	07					
2	000166	1001030482	Nguyễn Thị Hải	Anh	06/09/2004	QM10B	07					
3	000167	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	07					
4	000168	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	07					
5	000169	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	07					
6	000170	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM10B	07					HP
7	000171	1001030535	Lê Ninh	Giang	27/08/2004	QM10B	07					
8	000172	1001030540	Hoàng Trung	Hải	22/03/2004	QM10B	07					
9	000173	1001030545	Tạ Thị	Hằng	24/08/2004	QM10B	07					
10	000174	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	07					
11	000175	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	07					HP,ĐK
12	000176	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	07					
13	000177	1001030564	Nguyễn Huy	Hoàng	12/10/2004	QM10B	07					
14	000178	1001030568	Trần Thu	Hường	11/10/2004	QM10B	07					
15	000179	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10B	07					
16	000180	1001031398	Trần Sỹ Quang	Huy	27/04/2004	QM10B	07					
17	000181	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	07					
18	000182	1001030587	Phan Thị Thanh	Huyền	10/11/2004	QM10B	07					
19	000183	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	07					
20	000184	1001030598	Đương Thị Thuỳ	Linh	06/01/2004	QM10B	07					
21	000185	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	07					
22	000186	1001030644	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/11/2004	QM10B	07					
23	000187	1001030606	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2004	QM10B	08					
24	000188	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	08					
25	000189	1001030620	Lê Thị	Ly	12/10/2004	QM10B	08					
26	000190	1001030623	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai	05/02/2004	QM10B	08					ĐK
27	000191	1001030625	Vũ Thị	Mai	26/08/2004	QM10B	08					
28	000192	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	08					
29	000193	1001030652	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	25/12/2004	QM10B	08					
30	000194	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	08					
31	000195	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	08					
32	000196	1001030674	Nguyễn Văn	Quý	09/11/2000	QM10B	08					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000197	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM10B	08					
2	000198	1001030686	Lê Thị	Tâm	11/04/2004	QM10B	08					
3	000199	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	08					HP,ĐK
4	000200	1001030693	Nguyễn Thị	Thành	24/02/2004	QM10B	08					
5	000201	1001030698	Nguyễn Thanh	Thảo	03/07/2004	QM10B	08					
6	000202	1001031307	Đặng Duy	Thế	10/09/2004	QM10B	08					
7	000203	1001030703	Thân Thị Hoàng	Thu	10/08/2004	QM10B	08					
8	000204	1001030709	Nguyễn Thùy	Tiên	22/12/2004	QM10B	08					
9	000205	1001030712	Trần Đức	Toàn	16/08/2004	QM10B	08					
10	000206	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	08					
11	000207	1001031326	Nguyễn Thị Tổ	Uyên	26/11/2004	QM10B	08					
12	000208	1001030737	Đặng Quốc	Việt	24/12/2004	QM10B	08					
13	000209	1001030741	Trương Thị Thanh	Xuân	20/01/2004	QM10B	08					
14	000210	1001030744	Dương Thị Hải	Yên	22/11/2004	QM10B	08					ĐK
15	000211	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	09					
16	000212	1001011457	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	TC10A	09					
17	000213	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	09					
18	000214	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	09					HP
19	000215	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	09					
20	000216	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	09					
21	000217	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	09					
22	000218	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	09					
23	000219	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	09					
24	000220	1001010774	Trần Thùy	Dương	17/02/2004	TC10A	09					ĐK
25	000221	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	09					
26	000222	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	09					
27	000223	1001010788	Nông Vũ	Hoàng	16/08/2004	TC10A	09					HP,ĐK
28	000224	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	09					
29	000225	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	09					
30	000226	1001010798	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	TC10A	09					
31	000227	1001010801	Nguyễn Tùng	Lâm	26/09/2004	TC10A	09					HP,ĐK
32	000228	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	09					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000229	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	09					
2	000230	1001011365	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	09					
3	000231	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	09					
4	000232	1001011393	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	TC10A	10					
5	000233	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	10					
6	000234	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	10					HP
7	000235	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	10					
8	000236	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	10					
9	000237	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	10					
10	000238	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	10					
11	000239	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	10					ĐK
12	000240	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	10					
13	000241	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	10					
14	000242	1001010858	Trần Hồng	Thái	09/03/2004	TC10A	10					HP,ĐK
15	000243	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	10					
16	000244	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	10					
17	000245	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	10					
18	000246	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	10					
19	000247	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	10					
20	000248	1001010873	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	TC10A	10					
21	000249	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	10					
22	000250	1001011383	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	TC10A	10					
23	000251	1001010881	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	TC10A	10					
24	000252	1001010889	Nguyễn Phương	Uyên	13/07/2004	TC10A	10					
25	000253	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	10					
26	000254	1001011337	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	TC10B	11					
27	000255	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	11					
28	000256	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	11					
29	000257	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	11					
30	000258	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	11					ĐK
31	000259	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	11					
32	000260	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	11					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000261	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	11					
2	000262	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	11					
3	000263	1001010772	Phạm Thùy	Dương	12/11/2004	TC10B	11					
4	000264	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	11					ĐK
5	000265	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	11					
6	000266	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	11					
7	000267	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	11					
8	000268	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	11					
9	000269	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	TC10B	11					
10	000270	1001010795	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	TC10B	11					
11	000271	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	11					
12	000272	1001011734	Cao Đỗ	Khởi	28/10/2003	TC10B	11					
13	000273	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	11					
14	000274	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	TC10B	11					
15	000275	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	12					
16	000276	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	TC10B	12					
17	000277	1001010816	Đình Hoàng	Long	10/04/2004	TC10B	12					HP,ĐK
18	000278	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	12					
19	000279	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	12					
20	000280	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10B	12					ĐK
21	000281	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	12					
22	000282	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	12					HP
23	000283	1001010215	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	TC10B	12					
24	000284	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	12					
25	000285	1001010848	Trần Mai	Phương	29/12/2004	TC10B	12					
26	000286	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	12					
27	000287	1001010855	Vũ Ngọc	Sơn	24/07/2004	TC10B	12					
28	000288	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	12					
29	000289	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	12					
30	000290	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	12					
31	000291	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	12					
32	000292	1001011467	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	TC10B	12					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000293	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	12					
2	000294	1001011454	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	TC10B	12					
3	000295	0901010764	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	TC10B	12					
4	000296	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	12					
5	000297	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	12					
6	000298	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	13					
7	000299	1001010759	Nguyễn Linh	Đan	07/08/2004	NH10A	13					
8	000300	1001010761	Lã Chí	Đạt	22/11/2004	NH10A	13					
9	000301	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	13					
10	000302	1001011720	Đinh Xuân	Đức	07/10/2004	NH10A	13					
11	000303	1001010764	Lý Huỳnh	Đức	04/05/2004	NH10A	13					HP,ĐK
12	000304	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH10A	13					ĐK
13	000305	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	13					HP
14	000306	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH10A	13					
15	000307	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	13					
16	000308	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	13					
17	000309	1001010776	Trần Mỹ	Duyên	21/08/2004	NH10A	13					
18	000310	1001010777	Trần Ngọc	Hà	10/04/2004	NH10A	13					
19	000311	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH10A	13					
20	000312	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	13					
21	000313	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	13					
22	000314	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	13					
23	000315	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	13					
24	000316	1001010791	Cầm Quế	Hương	22/07/2004	NH10A	13					
25	000317	1001010793	Vũ Lan	Hương	20/11/2004	NH10A	13					
26	000318	1001011388	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/07/2004	NH10A	13					
27	000319	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	NH10A	13					
28	000320	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	13					
29	000321	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	13					
30	000322	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	13					
31	000323	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	13					
32	000324	1001020180	Trịnh Thị	Linh	08/08/2004	NH10A	13					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000325	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	13					
2	000326	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	14					
3	000327	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	14					
4	000328	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	NH10A	14					
5	000329	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	14					
6	000330	1001010819	Lê Phú	Lương	27/12/2004	NH10A	14					
7	000331	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	14					
8	000332	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	14					
9	000333	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	14					
10	000334	1001010837	Trần Văn	Nhân	15/10/2004	NH10A	14					HP
11	000335	1001010841	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/11/2003	NH10A	14					
12	000336	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	14					
13	000337	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	NH10A	14					
14	000338	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	NH10A	14					
15	000339	1001011463	Ngô Thị Ngọc	Quỳnh	28/07/2004	NH10A	14					
16	000340	1001010853	Trần Thị Như	Quỳnh	12/08/2004	NH10A	14					HP,ĐK
17	000341	1001011377	Đặng Thị Thanh	Thắm	02/09/2004	NH10A	14					
18	000342	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	14					ĐK
19	000343	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	14					
20	000344	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	NH10A	14					
21	000345	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	14					HP
22	000346	1001010297	Lê Long	Thủy	15/10/2000	NH10A	14					
23	000347	1001011381	Phan Thị Hồng	Thúy	26/02/2004	NH10A	14					
24	000348	1001010877	Đinh Đức	Toàn	14/07/2004	NH10A	14					
25	000349	1001011458	Hoàng Bảo	Trân	01/12/2003	NH10A	14					
26	000350	1001010880	Bùi Thị Thùy	Trang	13/05/2004	NH10A	14					
27	000351	1001010882	Lưu Huỳnh Thùy	Trang	08/12/2004	NH10A	14					
28	000352	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	14					
29	000353	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	14					
30	000354	1001010887	Nguyễn Quốc	Tuấn	09/03/2003	NH10A	14					
31	000355	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	14					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2